

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 05/02/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM  
TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Trần Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm  
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 173/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TRẦN T, sinh ngày: 26/12/1993 tại N. Nơi ĐKNKTT: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh N; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần A và bà Nguyễn Thị B; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 27 tháng 12 năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “cướp giật tài sản” (bản án số 84/2012/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18 tháng 4 năm 2014. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23 tháng 8 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN P, sinh năm 1999 tại N. Nơi ĐKNKTT: Thôn E, xã I, huyện K, tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Không rõ tên cha, con bà Nguyễn Thị U; vợ: La Thị O và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23 tháng 8 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P: Bà Hoàng Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn DD. Trụ sở: số nhà X quận Y, thành phố H. Ông Nguyễn H, Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền cho bà Trần Thị V theo giấy ủy quyền số 181107- 6/UQ- TGD ngày 07 tháng 11 năm 2018. Bà Trần Thị V ủy quyền cho ông Huỳnh Y, nhân viên Công ty theo Giấy ủy quyền số 201126-02/UQ- COL ngày 26 tháng 11 năm 2020 (ông Huỳnh Y có mặt).

+ Bà La Thị O, sinh năm: 1996, địa chỉ: Khu phố t, phường l, thành phố P, tỉnh N (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1981, địa chỉ: Thôn E, xã I, huyện K, tỉnh N (có mặt).

- Người làm chứng: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1995, địa chỉ: Khu phố 7, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/8/2020, Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Đ tiến hành kiểm tra phòng số 02 nhà nghỉ R thuộc khu phố xx, phường Đ, thành phố P, phát hiện: Trần T, Nguyễn P, và Lê Thị S đang sử dụng trái phép chất ma túy (đá). Qua kiểm tra phát hiện trong nhà vệ sinh có một khẩu trang y tế màu xanh, bên trong khẩu trang có 01 (một) bịch chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy). Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần T và Nguyễn P, tiến hành tạm giữ, niêm P đồ vật, tài liệu có liên quan và mời T, P, S về làm việc (Bút lục 07-09).

Tại bản Kết luận giám định số 150/KLGD-PC09 ngày 26/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon được hàn kín (kí hiệu M) là ma túy, có khối lượng là 2,0811gam, loại Methamphetamine. Mẫu hoàn lại sau giám định M có khối lượng: 1,9886 gam cùng toàn bộ P bì, bao gói gửi tới giám định.

Quá trình điều tra Trần T và Nguyễn P khai nhận: Đây là số ma túy của Trần T mua của một người đàn ông tên Bình làm nghề xe ôm ở khu vực bến xe miền Đông tại thành phố Hồ Chí Minh (không rõ nhân thân, lai lịch) vào đầu tháng 3 năm 2020 với giá 2.000.000 đồng, mang về cất giữ để sử dụng. Đến đầu tháng 8 năm 2020, biết Lê Thị S có nhu cầu mua ma túy để sử dụng, T đã phân nhỏ số ma túy này thành từng bịch đưa P bán cho S nhằm kiếm lời. Sau khi bán ma túy giúp T, P được T cho tiền card điện thoại và sử dụng ma túy không phải trả tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2020 đến ngày 21/8/2020, T và P đã bán ma túy cho S được 03 lần, bán được 03 bịch ma túy đá, thu lợi bất chính 1.100.000 đồng, cụ thể:

*Lần thứ nhất:* Vào khoảng 23 giờ ngày 19/8/2020, S uống cà phê cùng T tại khu vực bên hông Tòa án nhân dân tỉnh N. Lúc này, S đưa T 500.000 đồng hỏi mua 01 bạch ma túy đá. T gọi P đến đưa cho P 500.000 đồng và một bạch ma túy đá để P trực tiếp giao cho S vì sợ lộ. Sau khi nhận ma túy từ T, P điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 85C1 – 346.xx màu trắng - đỏ - đen mang ma túy đến khu vực gần Bệnh viện Đa khoa tỉnh N rồi gọi cho T đưa S đến nhận ma túy. Sau đó, S chở T đến, P giao ma túy cho S và cả ba vào ngôi nhà hoang gần đó để sử dụng.

*Lần thứ hai:* Vào khoảng 23 giờ ngày 20/8/2020, S dùng số điện thoại 09338009xx gọi cho T theo số 07934509xx hỏi mua 01 bạch ma túy (đá) với giá 300.000 đồng, T đồng ý bán và hẹn S đến khu vực trước nhà T thuộc khu phố A, phường B, thành phố P để giao dịch. T đưa ma túy cho P đi giao. Tại đây, P bán cho S 01 bạch ma túy (đá) rồi lấy 200.000 đồng mang về cho T (vì trước đó T nợ S 100.000 đồng).

*Lần thứ ba:* Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/8/2020, S dùng số điện thoại 09338009XX gọi cho T theo số 0793450949 hỏi mua 01 bạch ma túy (đá) với giá 300.000 đồng, T đồng ý bán và hẹn S đến khu vực trước nhà T thuộc khu phố A, phường B, thành phố P để giao dịch. T gọi cho P đến nhà T lấy ma túy giao cho S, P điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 85C1 – 346.xx màu trắng - đỏ - đen đến nhà T lấy ma túy rồi đến khu vực trước nhà T đợi S. Tại đây, P bán cho S 01 bạch ma túy (đá), S đưa cho P 400.000 đồng. Do P không có tiền thối lại nên chỉ nhận 200.000 đồng rồi mang về đưa cho T. Số tiền 100.000 đồng còn lại, S mua card điện thoại gửi cho P.

Cáo trạng số 164/QĐ-VKSPR ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm đã truy tố Trần T, Nguyễn P về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần T từ 04 năm đến 05 năm tù; bị cáo Nguyễn P từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 điều 251, điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét về nhân thân và hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo P.

Các bị cáo không tham gia tranh luận. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Bị cáo Trần T đã ba lần bán ma túy cho Lê Thị S, loại Methamphetamine thu được tổng số tiền 1.100.000 đồng, bị cáo Nguyễn P vì muốn sử dụng ma túy chung với T và được T cho tiền mua card điện thoại nên đã giúp T ba lần đi giao ba bịch ma túy cho Lê Thị S, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Do đó cáo trạng số 164/QĐ-VKSPR ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố Trần T, Nguyễn P về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là tự thú khai báo những lần phạm tội trước và thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, do có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P, áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo P và bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Riêng bị cáo T có vai trò chủ yếu trong vụ án, nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo P.

#### **[4] Vật chứng của vụ án:**

*Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu tiêu hủy những đồ vật sau đây :*

- 01 (một) túi niêm phong mã số: PS3A, ký hiệu PS3-061861, trên túi có chữ kí, ghi tên xác nhận của các bên liên quan: Nguyễn L, Lê M, Nguyễn Q, Nguyễn G. Bên trong túi chứa số ma túy và bao gửi hoàn lại sau giám định;

- 01 (một) bình dùng để sử dụng ma túy (đá), gồm một chai nhựa nước khoáng V, trên nắp gắn một ống thủy tinh hình phễu (nỏ) và một ống hút bằng nhựa màu đen; 01 (một) hộp quẹt ga màu đỏ; 06 (sáu) bịch nylon màu trắng ba đầu hàn kín, một đầu đã cắt hở; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh bên trong có một lỗ hồng; 01 (một) kéo màu trắng làm bằng kim loại là tang vật tạm giữ khi bắt quả tang;

*Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các đồ vật, tài sản sau đây :*

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám - đen gắn sim số 07853203xx đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu đồng gắn sim số 05634564xx đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu đen gắn sim số 07934509xx đã qua sử dụng của Trần T dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy;

- Đối với số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trần T. Quá trình điều tra, T tự nguyện đề nghị Cơ quan điều tra giữ lại số tiền 1.100.000 đồng là tiền do bán ma túy mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Còn lại số tiền 700.000 đồng không liên quan đến vụ án, nên HĐXX xét thấy trả lại cho T là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 85C1 – 346.xx màu trắng - đỏ - đen do Nguyễn P đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định: Ngày 30/12/2018, Nguyễn P ký Hợp đồng cấp tín dụng với Công ty Tài chính TNHH DD vay số tiền 35.000.000 đồng để mua xe máy trên và trả góp trong vòng 18 tháng, tiền góp mỗi tháng 2.578.800 đồng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, hai bên ký kết Hợp đồng thế chấp ngày 30/12/2018 có nội dung đưa chiếc xe mô tô Yamaha Exciter trên là tài sản thế chấp và Công ty Tài chính TNHH DD được quyền thực hiện các thủ tục xử lý chiếc xe trên nếu Nguyễn P vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, Nguyễn P còn nợ Công ty Tài chính TNHH DD số tiền 23.469.485 đồng (nợ gốc: 22.318.050 đồng, nợ lãi trong hạn: 975.915 đồng, nợ lãi quá hạn: 175.520 đồng), Công ty yêu cầu được nhận lại xe máy để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của P. Xét thấy chiếc xe trên là phương tiện phạm tội, phải tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Tài chính TNHH DD, Hội đồng xét xử giao chiếc xe trên cho Chi cục THADS TP.P, để Chi cục THADS TP.P phối hợp với Công ty Tài chính TNHH DD tiến hành các thủ tục bán đấu giá thu hồi khoản nợ vay theo quy định pháp luật, số tiền còn lại (nếu có) cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[5] Đối với Lê Thị S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 21/10/2020, Công an thành phố P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S là phù hợp.

[6] Đối với người người đàn ông tên Bình làm nghề xe ôm ở khu vực bến xe miền Đông thuộc thành phố H đã bán ma túy cho Trần T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được tên tuổi và địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở để xử lý.

[7] Đối với chị Võ Thị U là chủ nhà nghỉ R không biết Trần T, Nguyễn P, Lê Thị S mang ma túy vào phòng số 02 nhà nghỉ để cất giấu, sử dụng nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo Trần T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn P thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần T và bị cáo Nguyễn P phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”.

**Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần T 03 năm 06 tháng (*ba năm sáu tháng*) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2020.

**Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn P 02 năm 06 tháng (*hai năm sáu tháng*) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2020.

### **Về xử lý vật chứng:**

**Căn cứ vào:** Điều 47 Bộ luật Hình sự.

*Tuyên tịch thu tiêu hủy những đồ vật sau đây:*

- 01 (một) túi niêm P mã số: PS3A, ký hiệu PS3-061861, trên túi niêm phong có chữ ký, ghi tên xác nhận của các bên liên quan: Nguyễn L, Lê M, Nguyễn Q, Nguyễn G. Bên trong túi chứa số ma túy và bao gửi hoàn lại sau giám định;

- 01 (một) bình dùng để sử dụng ma túy (đá), gồm một chai nhựa nước khoáng V, trên nắp gắn một ống thủy tinh hình phễu (nỏ) và một ống hút bằng nhựa màu đen; 01 (một) hộp quẹt ga màu đỏ; 06 (sáu) bịch nylon màu trắng ba đầu hàn kín, một đầu đã cắt hở; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh bên trong có một lỗ hồng; 01 (một) kéo màu trắng làm bằng kim loại.

*Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các đồ vật, tài sản sau đây:*  
01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám - đen gắn sim số 07853203xx đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu đồng gắn sim số

05634564xx đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu đen gắn sim số 07934509xx đã qua sử dụng của Trần T;

Giao một chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 85C1 – 346.xx màu trắng - đỏ - đen cho Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P phối hợp với Công ty Tài chính TNHH DD tiến hành các thủ tục bán đấu giá chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 85C1 – 346.xx màu trắng - đỏ - đen để Công ty Tài chính TNHH DD thu hồi khoản nợ vay 23.469.485 đồng của Nguyễn P (tại Đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 2W012419123 ngày 30/12/2018 giữa Công ty Tài chính TNHH DD và Nguyễn P) theo quy định pháp luật, số tiền còn lại (nếu có) tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

*Các đồ vật, tài sản trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P đang quản lý theo biên bản giao nhận giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P ngày 09/12/2020.*

- Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm ngàn) đồng của Trần T, khấu trừ vào số tiền 1.800.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trần T. Trả lại cho Trần T 700.000 đồng. *Số tiền này hiện Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P đang quản lý theo Ủy nhiệm chi số 56 ngày 11 tháng 12 năm 2020.*

**Về án phí:** Bị cáo Trần T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn P.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADS TPP;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh NT;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

**Thành viên Hội đồng xét xử      Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**n**







**Mai T**

**Trần Hoàng Liên**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

**Nguyễn Lê Anh Thư    Trần Quốc Huy**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**











## CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:**

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bổ đồng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15

ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260

của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

